



## Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VATUCO.378

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(Đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 – 05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VATUCO.378 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần VATUCO.378 là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vatuco.378 theo Quyết định số 4345/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401338501 cấp lần đầu ngày 23 tháng 02 năm 2010 và đăng ký các lần thay đổi được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Ông Phạm Tấn Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Nguyễn Văn Điệp	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Mai Xuân Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Hồ Sỹ Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/12/2020
Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Phạm Tấn Hạnh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Ông Phạm Tấn Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Lê Thanh Phú Thủy	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 21/12/2020
Ông Hồ Sỹ Long	Phó giám đốc	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Công ty Cổ phần VATUCO.378**

77 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

---

Ban Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

**Phạm Tấn Hạnh**

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Số: 310321.126/BCTC.FIS1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần VATUCO.378

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VATUCO.378 (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

*Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

*Cơ sở của Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ*

Năm 2020, Công ty đã điều chỉnh sai sót “Giá vốn dịch vụ cung cấp” và “Phải thu khác” (Thuyết minh 7d) liên quan đến công trình “Gói 10 - Thao trường diễn tập chiến thuật - Trung tâm huấn luyện Quân sự Quốc gia 2” – sau đây gọi tắt là “Công trình Gói 10” - được đề cập trong ý kiến kiểm toán ngoại trừ năm trước. Theo đó, các vấn đề này sẽ chỉ còn ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Giá vốn cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 (số liệu đầu kỳ); và

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa hoàn thành đối chiếu / xác nhận công nợ các khoản phải thu và phải trả. Điều này dẫn tới việc chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Các số dư này tại 31/12/2020 lần lượt là 4.960.445.492 VND và 5.099.786.434 VND vẫn chưa được khắc phục trong năm 2020. Theo đó, với các thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi đã không thể trình bày ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

- “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” tại 01/01/2020 và 31/12/2020 đều là 505.734.773 VND (Thuyết minh số 4); và

- "Trả trước cho người bán ngắn hạn" tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 1.062.790.839 VND và 981.051.564 VND (Thuyết minh số 5); và
- "Phải thu ngắn hạn khác" tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 7.274.466.657 VND và 3.473.659.155 VND (Thuyết minh số 7); và
- "Phải trả người bán ngắn hạn" số tiền tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 6.406.671.642 VND và 4.273.233.774 VND (Thuyết minh số 10); và
- "Phải trả ngắn hạn khác" số tiền tại 01/01/2020 và 31/12/2020 là 1.209.737.045 VND và 826.552.660 VND (Thuyết minh số 14).

Ngoài ra, Công ty cũng chưa ước tính và ghi nhận chi phí dự phòng xây lắp đối với các hợp đồng xây dựng của Công ty theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Với các thông tin hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể ước tính được ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính của Công ty.

#### *Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VATUCO.378 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc đến các Thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 7d của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả các vấn đề tồn tại từ năm 2019 đã được Công ty xử lý trách nhiệm cá nhân (ghi tăng "Phải thu ngắn hạn khác") trong năm nay, gồm: i) Điều chỉnh giảm "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tương ứng phần vượt định mức 4,5% tổng doanh thu năm 2020 và giá vốn "Công trình Gói 10" theo Điều 16 Quy chế Công ty và Hợp đồng giao khoán thi công với số tiền lần lượt là 1.428.478.666 VND và 2.331.077.242 VND; ii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình "Gói 13-Kho K890 Cục Quân khí" vượt mức lãi/lỗ dự kiến; Điều chỉnh giảm "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" đối tượng Bộ Tham mưu – QK5 phần cắt giảm theo quyết toán công trình và các khoản tiền truy thu/phạt theo các quyết định của Cục thuế thành phố Đà Nẵng trong năm 2020 với số tiền lần lượt là 305.013.525 VND; 170.417.273 VND và 349.989.552 VND; và
- Thuyết minh số 15 (\*) về các khoản vay của Công ty với bà Nguyễn Thị Minh Ngọc chưa được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua; và
- Thuyết minh số 25 về số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và phần thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan của kỳ kế toán 12 tháng hiện tại là số liệu của kỳ kế toán từ 02/02/2019 đến 31/12/2019 (11 tháng), tuy nhiên điều này không có ảnh hưởng trọng yếu nào đến yêu cầu so sánh của Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty TNHH**  
**Hãng kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Đinh Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3681-2017-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>30.380.941.622</b>	<b>30.962.309.802</b>
110	I. Tiền và tương đương tiền		473.097.543	618.263.092
111	1. Tiền	3	473.097.543	618.263.092
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.495.460.785	22.713.263.212
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.810.142.940	13.634.951.446
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.010.057.504	1.373.990.839
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.675.260.341	7.704.320.927
140	IV. Hàng tồn kho		3.397.883.294	7.520.462.329
141	1. Hàng tồn kho	8	3.397.883.294	7.520.462.329
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.500.000	110.321.169
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	14.500.000	14.500.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	95.821.169
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.534.012.441</b>	<b>7.644.252.906</b>
220	II. Tài sản cố định	9	6.204.129.018	6.531.834.430
221	1. Tài sản cố định hữu hình		6.199.889.018	6.513.194.430
222	- Nguyên giá		15.512.241.911	15.512.241.911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.312.352.893)	(8.999.047.481)
227	2. Tài sản cố định vô hình		4.240.000	18.640.000
228	- Nguyên giá		43.200.000	43.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.960.000)	(24.560.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		329.883.423	1.112.418.476
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	329.883.423	1.112.418.476
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>36.914.954.063</b>	<b>38.606.562.708</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>22.848.650.968</b>	<b>25.090.519.472</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>22.848.650.968</b>	<b>25.090.519.472</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	13.587.632.822	18.852.439.980
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	2.103.346.000	880.279.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	356.281.714	24.351.909
314	4. Phải trả người lao động		451.453.949	296.209.401
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		563.177.806	76.363.636
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	136.363.636	267.272.727
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.874.544.015	2.513.053.194
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	2.644.000.000	1.978.848.599
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		131.851.026	201.701.026
<b>400</b>	<b>D. NGUỒN VỐN</b>		<b>14.066.303.095</b>	<b>13.516.043.236</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>14.066.303.095</b>	<b>13.516.043.236</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.480.560.000	16.480.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.480.560.000	16.480.560.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.414.256.905)	(2.964.516.764)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.964.516.764)	136.137.442
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		550.259.859	(3.100.654.206)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>36.914.954.063</b>	<b>38.606.562.708</b>



Phạm Tấn Hạnh  
Tổng Giám đốc

Đào Quý Đạt  
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

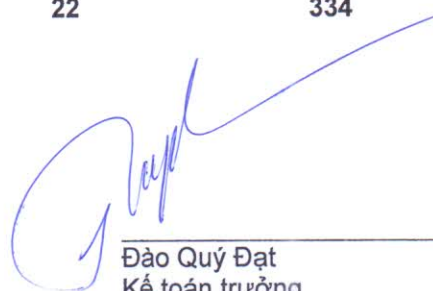


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/02/2019	
			Năm 2020 VND	đến 31/12/2019 VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	18	31.241.184.183	44.354.171.166
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	18	31.241.184.183	44.354.171.166
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	19	29.905.758.258	42.677.389.986
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		1.335.425.925	1.676.781.180
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.366.974	3.153.061
22	7. Chi phí tài chính		75.538.915	170.931.124
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		75.538.915	170.931.124
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	1.405.853.288	3.060.203.481
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(144.599.304)	(1.551.200.364)
31	11. Thu nhập khác	21	694.859.163	131.858.908
32	12. Chi phí khác		-	165.177.367
40	13. Lợi nhuận khác		694.859.163	(33.318.459)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		550.259.859	(1.584.518.823)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	34.094.111
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>550.259.859</u>	<u>(1.618.612.934)</u>
71	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	334	(982)



Phạm Tấn Hạnh  
Tổng Giám đốc

  
Đào Quý Đạt  
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/02/2019 đến 31/12/2019	
			Năm 2020 VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>550.259.859</b>	<b>(1.618.612.934)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		327.705.412	320.649.304
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(1.366.974)	(3.153.061)
06	Chi phí lãi vay		75.538.915	170.931.124
08	<b>3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>952.137.212</b>	<b>(1.130.185.567)</b>
09	(Tăng) các khoản phải thu		(3.686.376.404)	(5.655.365.876)
10	Giảm hàng tồn kho		4.122.579.035	2.197.565.537
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(2.649.528.203)	801.042.644
12	Giảm chi phí trả trước		782.535.053	773.257.370
14	Tiền lãi vay đã trả		(75.538.915)	(170.931.124)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(187.641.702)	(12.512.500)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(69.850.000)	(41.300.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(811.683.924)</b>	<b>(3.238.429.516)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.366.974	3.153.061
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.366.974</b>	<b>3.153.061</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay		3.921.000.000	2.848.848.599
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(3.255.848.599)	(2.767.547.325)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>665.151.401</b>	<b>81.301.274</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(145.165.549)</b>	<b>(3.153.975.181)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>618.263.092</b>	<b>3.772.238.273</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>473.097.543</b>	<b>618.263.092</b>



Phạm Tấn Hạnh  
Tổng Giám đốc

  
Đào Quý Đạt  
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2020

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VATUCO.378 là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vatuco.378 theo quyết định 4345/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401338501 cấp lần đầu ngày 23 tháng 02 năm 2010 và đăng ký các lần thay đổi được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 77 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 25 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 38 người).

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; xây dựng nhà các loại; gia công cơ khí; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...

**Cấu trúc Công ty**

Cấu trúc Công ty gồm 03 đội thi công và 01 ban quản lý công trình.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**2.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại công trình chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính (sau khi đã được đánh giá lại thời gian sử dụng sau khi cổ phần hóa) như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05-38 năm
▶ Máy móc, thiết bị	03-06 năm
▶ Phương tiện vận tải	04-07 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
▶ Phần mềm kế toán (TSCĐ vô hình)	03 năm

## 2.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.8 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào

giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước giá vốn công trình xây dựng cơ bản...

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **2.12 Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.13 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

#### **2.14 Chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn. Khoản chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **2.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	127.624.702	8.996.018
Tiền gửi ngân hàng	345.472.841	609.267.074
	<b>473.097.543</b>	<b>618.263.092</b>

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh Nghệ An	314.990.789	6.457.424.789
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Trường	3.947.546.250	3.612.450.250
Bộ Tham mưu - QK5	1.443.358.643	2.053.166.727
Ban quản lý dự án điện 2	1.587.123.981	-
Khác	1.517.123.277	1.511.909.680
	<b>8.810.142.940</b>	<b>13.634.951.446</b>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 24)</b>	<b>3.947.546.250</b>	<b>3.612.450.250</b>

Các khoản nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận tại 01/01/2020 và 31/12/2020 đều là 505.734.773 VND.

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Vận tải Gia Nguyễn	558.764.000	558.764.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Phiêm	600.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Châu Kỳ	197.848.659	197.848.659
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nguyên Đức	400.000.000	-
Khác	253.444.845	617.378.180
	<b>2.010.057.504</b>	<b>1.373.990.839</b>

Các khoản nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 1.062.790.839 VND và 981.051.564 VND. Trong đó, số dư trả trước cho người bán tồn lâu trên 1 năm là 942.407.504 VND.

**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hộ lao động	14.500.000	14.500.000
	<b>14.500.000</b>	<b>14.500.000</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa phân bổ	284.548.616	665.490.991
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.334.807	446.927.485
	<b>329.883.423</b>	<b>1.112.418.476</b>

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	1.158.383.193	136.221.046
Ký cược, ký quỹ	1.051.370.080	310.934.518
Tạm ứng thi công, phải thu lại thi công công trình	7.404.119.295	5.646.244.555
<i>Phải thu lại từ ông Phạm Tấn Hạnh (a)</i>	4.877.391.504	2.083.871.942
<i>Đội xây lắp 1 - Nguyễn Văn Tiến</i>	847.901.603	836.583.203
<i>Đội xây lắp 2 - phía Bắc (b)</i>	838.664.358	1.718.166.746
<i>Đội xây lắp 3 - Nguyễn Văn Tình</i>	274.636.415	263.572.815
<i>Đội xây lắp 4 - Mai Đình Chính</i>	94.104.591	302.970.391
<i>Đội xây lắp 5 - (đ/c Long)</i>	471.420.824	441.079.458
Điều chỉnh giá vốn công trình - chờ xử lý trách nhiệm (c)	916.671.519	916.671.519
Phải thu tiền cho thuê trụ sở công ty	414.137.965	444.742.250
Chi phí vượt định mức - chờ xử lý trách nhiệm (d)	4.592.745.168	170.417.273
Phải thu khác	137.833.121	79.089.766
	<b>15.675.260.341</b>	<b>7.704.320.927</b>
<b>Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 24)</b>	<b>4.877.391.504</b>	<b>379.704.918</b>

- Theo Biên bản xử lý công nợ cấp ứng cho các ban quản lý và công nợ cấp ứng cho *Đội xây lắp 2*.
- Theo Biên bản làm việc về việc xử lý công nợ tạm ứng tồn đọng ngày 19/03/2021 đối với ông Tạ Hữu Lịch (*đội trưởng đội 2*).
- Phải thu từ các *đội thi công* theo hợp đồng giao khoán phần khối lượng thi công bị cắt giảm theo quyết toán hoàn thành.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tương ứng phần vượt định mức 4,5% tổng doanh thu năm 2020 và giá vốn công trình Gói 10 - Thao trường diễn tập chiến thuật được điều chỉnh giảm theo Điều 16 Quy chế Công ty và Hợp đồng giao khoán thi công. Ngoài ra, phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình "Gói 13-Kho K890 Cục Quân khí" vượt mức lãi/lỗ dự kiến; khoản cắt giảm khối lượng công trình "Gói thầu số 3: Xây lắp nhà công vụ Bộ Tư lệnh" với Bộ Tham mưu – QK5 và các khoản tiền truy thu/phạt theo các quyết định của Cục thuế thành phố Đà Nẵng trong năm 2020 được quy trách nhiệm cá nhân chờ xử lý. Chi tiết trình bày tại Thuyết minh 19 và 20.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác chưa được đối chiếu, xác nhận tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 7.274.466.657 VND và 3.473.659.155 VND

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	58.248.008	58.248.008
Chi phí sản xuất KDDD	3.339.635.286	7.462.214.321
<i>Tổ hợp trung tâm thương mại - Dịch vụ văn phòng (TP. Vinh - Nghệ An)</i>	1.269.844.524	-
<i>Gói 10-T.trường d.tập C.thuật-TTHLQG2</i>	-	4.913.483.401
<i>Nâng cấp, cải tạo nhà ở &amp; NLV TTĐL Quảng Trạch</i>	885.457.437	1.257.710.325
<i>Gói 13-Kho K890 Cục Quân khí</i>	128.041.506	-
<i>Công trình khác</i>	1.056.291.819	1.291.020.595
	<b>3.397.883.294</b>	<b>7.520.462.329</b>



**Công ty Cổ phần VATUCO.378**

77 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính  
năm kết thúc ngày 31/12/2020**9. Tài sản cố định**

	Tài sản cố định hữu hình					Tổng VND
	Tài sản cố định vô hình	Phần mềm máy tính VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2020	43.200.000	10.238.564.987	179.727.273	5.007.053.751	86.895.900	15.512.241.911
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>43.200.000</b>	<b>10.238.564.987</b>	<b>179.727.273</b>	<b>5.007.053.751</b>	<b>86.895.900</b>	<b>15.512.241.911</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2020	24.560.000	3.739.120.557	165.977.273	5.007.053.751	86.895.900	8.999.047.481
Khấu hao	14.400.000	299.555.412	13.750.000	-	-	313.305.412
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>38.960.000</b>	<b>4.038.675.969</b>	<b>179.727.273</b>	<b>5.007.053.751</b>	<b>86.895.900</b>	<b>9.312.352.893</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2020	18.640.000	6.499.444.430	13.750.000	-	-	6.513.194.430
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.240.000</b>	<b>6.199.889.018</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.199.889.018</b>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao đã hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.297.767.833 VND.

**Công ty Cổ phần VATUCO.378**

77 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính  
năm kết thúc ngày 31/12/2020**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH vận tải và xây dựng Đức Mạnh	896.146.005	896.146.005	6.664.916.005	6.664.916.005
Nguyễn Văn Tài - Đội 1	962.516.639	962.516.639	962.516.639	962.516.639
Lê Văn Sơn - Đội 1	695.000.000	695.000.000	695.000.000	695.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ACE5 Thái Bình Dương	1.050.761.917	1.050.761.917	-	-
Công ty TNHH Trường Tam	1.046.645.000	1.046.645.000	-	-
Khác	8.936.563.261	8.936.563.261	10.530.007.336	10.530.007.336*
	<b>13.587.632.822</b>	<b>13.587.632.822</b>	<b>18.852.439.980</b>	<b>18.852.439.980</b>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn chưa được đối chiếu, xác nhận tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 6.406.671.642 VND và 4.273.233.774 VND.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020		Năm 2020		31/12/2020	
	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	213.978.706	529.366.927	315.388.221	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.698.891	187.641.702	176.802.610	12.859.799	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	653.018	10.669.384	38.050.060	28.033.694	-	-
Các loại thuế khác	-	57.050.519	57.050.519	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
	<b>24.351.909</b>	<b>472.340.311</b>	<b>804.270.116</b>	<b>356.281.714</b>		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bộ Tư lệnh - Quân Khu 5	1.785.067.000	-
Báo Quảng Bình	318.279.000	480.279.000
UBND xã Bảo Ninh, tỉnh Quảng Bình	-	400.000.000
	<u><b>2.103.346.000</b></u>	<u><b>880.279.000</b></u>

**13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là tiền thuê mặt bằng, văn phòng nhận trước các kỳ từ tháng 01 – 06 năm 2021.

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	50.335.796	34.243.814
Bảo hiểm y tế	75.653.430	-
Bảo hiểm xã hội	19.460.629	154.767.211
Bảo hiểm thất nghiệp	33.575.260	-
Phải trả về cổ phần hóa	113.021.379	113.021.379
Phải trả công ty mẹ	1.265.040.872	1.045.679.158
Phải trả chủ đầu tư các khoản cắt giảm công trình	636.214.546	636.214.545
Phải trả ông Phạm Tấn Hạnh (*)	318.100.000	-
Phải trả, phải nộp khác	363.142.103	529.127.087
	<u><b>2.874.544.015</b></u>	<u><b>2.513.053.194</b></u>
<b>Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 24)</b>	<u><b>1.583.140.872</b></u>	<u><b>1.045.679.158</b></u>

(\*) Khoản tiền mượn của ông Phạm Tấn Hạnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản tiền mượn không có lãi suất và ngày đáo hạn.

Các khoản nợ phải trả khác chưa được đối chiếu, xác nhận tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 1.209.737.045 VND và 826.552.660 VND.

**Công ty Cổ phần VATUCO.378**

77 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính  
năm kết thúc ngày 31/12/2020**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2020		Năm 2020		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)	398.848.599	398.848.599	-	398.848.599	-	-
- Chi nhánh Đà Nẵng						
Nguyễn Thị Minh Ngọc (*)	1.580.000.000	1.580.000.000	3.120.000.000	2.341.000.000	2.359.000.000	2.359.000.000
Nguyễn Thị Kim Dung (*)	-	-	315.000.000	30.000.000	285.000.000	285.000.000
Cá nhân khác (*)	-	-	486.000.000	486.000.000	-	-
	<b>1.978.848.599</b>	<b>1.978.848.599</b>	<b>3.921.000.000</b>	<b>3.255.848.599</b>	<b>2.644.000.000</b>	<b>2.644.000.000</b>

(\*) Các hợp đồng vay tín chấp với giữa Công ty và các cá nhân với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay có lãi suất 12%/năm, thanh toán vào thời điểm đáo hạn khoản vay. Trong đó, khoản vay với bà Nguyễn Thị Minh Ngọc – vợ ông Phạm Tấn Hạnh chưa được HĐQT công ty thông qua.

